

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 405/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án giải quyết một số vấn đề xã hội xung quanh các
Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP, ngày 20/4/2009 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP, ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, ngày 28/12/2011 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg, ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 17/2006/QĐ-BXD ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy định tạm thời về điều kiện tối thiểu của nhà ở cho người lao động thuê để ở;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 181/TTr-SKH ngày 20/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án giải quyết một số vấn đề xã hội xung quanh các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2018.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Giải quyết một số vấn đề xã hội xung quanh các khu công nghiệp
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2018**
(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh)

Phần mở đầu

SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết phải lập Đề án

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai 4 khu công nghiệp (KCN) tập trung⁽¹⁾ gồm: Đình Trám, Quang Châu, Vân Trung, Song Khê - Nội Hoàng do Ban Quản lý các KCN quản lý. Các KCN tập trung chủ yếu trên địa bàn 2 huyện Việt Yên, Yên Dũng và thành phố Bắc Giang với tổng diện tích quy hoạch là 1.111,7 ha.

Đến tháng 10/2012, số dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư tại các KCN của tỉnh là 132 dự án, trong đó có 64 dự án đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.125,02 tỷ đồng và 1.602,36 triệu USD. Vốn đầu tư đã thực hiện của các nhà đầu tư trong nước đạt 1.932,62 tỷ đồng, bằng 46,8%, đầu tư nước ngoài đạt 508,67 triệu USD, bằng 31,75% vốn đầu tư đăng ký. Đến nay có 98 doanh nghiệp đi vào hoạt động, thu hút khoảng 35.230 lao động. Giá trị sản xuất kinh doanh từ năm 2009 đến tháng 8/2012 đạt 36.127 tỷ đồng, nộp ngân sách 556,9 tỷ đồng; trong đó nộp tại tỉnh là 58,1 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 1.067,7 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu 1.418,1 triệu USD. Thu nhập bình quân của người lao động hiện tại đạt khoảng 3,5 triệu đồng/người/tháng.

Kết quả trên đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, một thực tế chung đang diễn ra tại địa bàn các KCN Bắc Giang là quá trình phát triển các KCN nhiều bất cập, nhất là các vấn đề liên quan đến đời sống xã hội của công nhân lao động và nhân dân sở tại.

Trong khoảng 35 nghìn lao động đang làm việc tại các KCN của tỉnh số lao động địa phương chiếm khoảng 78% còn lại là lao động ngoại tỉnh. Ngoài một số ít công nhân có chỗ ở tại nhà ở công nhân do doanh nghiệp đầu tư xây dựng, còn lại đa phần công nhân lao động đi lại hàng ngày từ nơi ở đến các KCN hoặc tự tìm thuê phòng trọ tại các khu dân cư gần các KCN. Nhìn chung các phòng trọ do nhân dân địa phương tự đầu tư chất lượng thấp, không phù hợp tiêu chuẩn và không đảm bảo để công nhân thuê ở ổn định lâu dài. Hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội tại địa bàn quanh các KCN trong tình trạng quá tải do số công nhân thuê ở trọ đông. Một số nơi chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, nhân dân sử dụng nước giếng khoan nên thường thiếu

⁽¹⁾ Riêng KCN Việt - Hàn, Ban QL các KCN đã thu hồi giấy chứng nhận đầu tư do chủ đầu tư không thực hiện.

nước về mùa khô, chất lượng nước không đảm bảo. Cơ sở vật chất trường lớp học trên địa bàn quanh các KCN chưa đáp ứng được nhu cầu gửi con em của công nhân và nhân dân địa phương, nhất là khối trường mầm non, nhà trẻ. Hệ thống chợ và trung tâm thương mại gần các KCN chưa đáp ứng được nhu cầu mua sắm hàng ngày của người lao động. Những khu vực đông công nhân thuê trọ xảy ra tình trạng các loại rác thải sinh hoạt hàng ngày được vứt bỏ bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan và môi trường. Các thiết chế văn hoá, thể thao phục vụ công nhân và công tác chăm sóc sức khoẻ định kỳ cho công nhân chưa được quan tâm đầu tư. Số công nhân tham gia giao thông bằng xe máy, xe đạp giờ tan ca đông, cộng với việc mua bán tại các hàng quán nhỏ lấn chiếm vỉa hè, lòng đường gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, nhất là tại các đường gom KCN Quang Châu, vỉa hè QL37 đoạn qua KCN Đình Trám.

Trong xu hướng hội nhập kinh tế thế giới, Bắc Giang đã thực hiện các chương trình xúc tiến đầu tư, quảng bá, giới thiệu tiềm năng cơ hội đầu tư, nỗ lực tạo hành lang pháp lý thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch, tạo môi trường đầu tư thuận lợi nhằm thu hút thêm các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp tại các KCN đang có nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, tuyển dụng thêm lao động. Số lao động làm việc trong các KCN sẽ tăng nhanh, nguy cơ nảy sinh và làm nghiêm trọng thêm các vấn đề xã hội quanh các KCN trong thời gian tới.

Do vậy, việc giải quyết những vấn đề xã hội liên quan đến người lao động và nhân dân bên ngoài hàng rào KCN là hết sức cần thiết, nhất là việc bảo đảm các điều kiện về nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, nơi mua sắm, nơi học tập cho con em công nhân... Giải quyết vấn đề xã hội KCN chính là tạo điều kiện để các doanh nghiệp sản xuất ổn định, tái tạo sức lao động và bảo đảm an sinh xã hội, đây cũng là một trong những điều kiện tiên quyết để cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh hướng tới sự phát triển bền vững của các KCN trên địa bàn tỉnh.

2. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”;

- Các bộ luật liên quan: Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lao động, Luật Giáo dục

- Nghị quyết số 18/NQ-CP, ngày 20/04/2009 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 về ưu đãi, hỗ trợ bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, ngày 28/12/2011 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg, ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê;
- Thông tư số 19/2008/TT-BXD, ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Thông tư số 10/2009/TT-BXD ngày 15/6/2009 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý dự án đầu tư xây dựng nhà ở sinh viên, nhà ở công nhân khu công nghiệp và nhà ở thu nhập thấp;
- Quyết định số 17/2006/QĐ-BXD ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy định tạm thời về điều kiện tối thiểu về nhà ở cho người lao động thuê để ở;
- Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành 5 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm giai đoạn 2011-2015, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII;
- Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 13/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khắc phục những khuyết điểm và thực hiện các kiến nghị của Ủy ban kiểm tra Trung ương về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đối với các dự án trong KCN trên địa bàn tỉnh;
- Quyết định số 337/2012/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng, phạm vi của Đề án

3.1. Đối tượng:

Vấn đề xã hội xung quanh các KCN cần phải khắc phục và giải quyết gồm nhiều lĩnh vực, tuy nhiên do nguồn lực hạn chế, Đề án tập trung nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất phương án giải quyết 05 vấn đề xã hội, gồm:

- Xây dựng nhà ở công nhân (bao gồm cả nhà trọ);
- Cấp nước sinh hoạt tập trung;
- Xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường;
- Xây dựng chợ, điểm mua sắm;
- Xây dựng nhà trẻ, trường mầm non.

3.2. Phạm vi:

- Phạm vi thời gian: Giai đoạn 2013-2018;
- Phạm vi không gian: 07 xã, thị trấn quanh các KCN gồm: Quang Châu, Hoàng Ninh, Hồng Thái, Vân Trung, Tăng Tiến, Thị trấn Bích Động và Thị trấn Nếnh huyện Việt Yên (gọi chung là các xã xung quanh các KCN).

Phần thứ nhất**THỰC TRẠNG HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG XUNG QUANH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP****1. Thực trạng về nhà ở, nhà trọ của công nhân khu công nghiệp**

Cùng với sự hình thành và phát triển các KCN, số lượng lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN tăng nhanh qua các năm. Tại thời điểm tháng 12/2012, tổng số lao động đang làm việc trong các KCN là khoảng 35.230 lao động, tăng gần 10.000 lao động (39,6%) so với tháng 12/2011, trong đó lao động địa phương 27.627 người, chiếm 78,4%; lao động ngoại tỉnh 7.603 người, chiếm 21,6%; lao động nữ 26.890 người, chiếm 76,3%. Riêng hai KCN Quang Châu và Đình Trám có số lao động đang làm việc là khoảng 32.730, chiếm 93% tổng số lao động tại các KCN của tỉnh.

Hầu hết người lao động đang làm việc tại các KCN đều có nhu cầu về nhà ở. Tuy nhiên, hiện nay mới có Công ty TNHH Fuhong Precision Component đầu tư xây dựng nhà ở công nhân, đáp ứng nhu cầu cho khoảng 7.000 người. Còn lại người lao động ở xa trong các KCN phải tự tìm phòng thuê trọ tại các khu dân cư lân cận. Số công nhân đã thuê nhà trọ trong khu vực Thị trấn Nếnh và các xã Hoàng Ninh, Hồng Thái, Quang Châu, Tăng Tiến vào khoảng 6.500 người. Giá cho thuê phòng trọ từ 200.000 đến 600.000 đồng/phòng/tháng. Nhìn chung các nhà trọ, phòng trọ do nhân dân địa phương tự đầu tư cho công nhân thuê chưa đảm bảo những yêu cầu tối thiểu về điều kiện sinh hoạt, vệ sinh môi trường. Hầu hết các phòng trọ là nhà cấp IV, chất lượng kém, ẩm, thấp, không đảm bảo vệ sinh; các phòng trọ chỉ phục vụ tạm thời cho đối tượng người độc thân, không phù hợp với các hộ gia đình thuê ở ổn định lâu dài; trung bình 2,5m²/người, nên không đạt yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 17/2006/QĐ-BXD ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy định tạm thời về điều kiện tối thiểu về nhà ở cho người lao động thuê để ở (tối thiểu 3m²/người, không kể diện tích khu phụ).

Đặc biệt, trên địa bàn thôn Núi Hiếu, xã Quang Châu, từ năm 2009 đến nay, hoạt động kinh doanh phòng trọ bùng phát thành phong trào, người dân tận dụng bất cứ chỗ nào có mặt bằng để xây nhà trọ cho thuê, thậm chí cả chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm trước đây cũng được cải tạo thành phòng trọ để cho công nhân thuê với số lượng công nhân thuê trọ lên tới gần 2.000 người.

2. Thực trạng về nước sạch phục vụ sinh hoạt

Ước tính xung quanh các KCN có khoảng 65.000 người dân và công nhân thuê trọ. Theo tiêu chuẩn cần 75 lít nước sinh hoạt/người/ngày.đêm. Như vậy tổng nhu cầu là 4.875 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn huyện Việt Yên chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước hàng ngày của người dân

và công nhân thuê trọ.

Trên địa bàn hiện có hai trạm xử lý nước sinh hoạt tập trung đang hoạt động với tổng công suất khoảng $580\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, mới cơ bản đáp ứng nhu cầu của 1.600 hộ dân⁽²⁾. Tuy nhiên chất lượng nước từ hai trạm xử lý này chưa đảm bảo tiêu chuẩn, trữ lượng nước thấp nên không đủ khả năng cung ứng nước về mùa khô. Ngoài ra còn trạm xử lý nước tại các thôn Hoàng Mai, My Điền, Phúc Lâm xã Hoàng Ninh với tổng công suất dự kiến khoảng $1.780\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đã cơ bản hoàn thành nhưng chưa được bàn giao đưa vào sử dụng.

Tình trạng thiếu nước sinh hoạt từ các nguồn cung cấp tập trung nên nhiều hộ dân, công nhân thuê trọ phải sử dụng nước giếng khoan, giếng đào. Nguồn nước từ các giếng này không ổn định, chất lượng nước không đảm bảo do bị nhiễm sắt, nhiễm bần. Đặc biệt, có nơi như thôn Núi Hiều, xã Quang Châu, nước giếng khoan không bảo đảm, chỉ có thể dùng để tắm giặt, sinh hoạt hàng ngày, còn nước để ăn uống, người dân cũng như công nhân trọ phải mua với giá 20.000 đồng/bình. Tình trạng thiếu nước, nhất là về mùa khô gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống sinh hoạt thường ngày của người dân và công nhân thuê trọ.

3. Thực trạng về rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường

Hiện tượng vứt, xả rác thải sinh hoạt hàng ngày bừa bãi đang xảy ra phổ biến trên địa bàn các xã xung quanh các KCN gây ảnh hưởng lớn đến cảnh quan và môi trường khu vực. Rất nhiều công nhân KCN thường ném các túi rác thải sinh hoạt hàng ngày tại các điểm bất kỳ trên đường họ đi làm. Thực trạng này một phần do ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân và công nhân KCN còn kém. Mặt khác là do nhiều thôn, xã quanh các KCN chưa thành lập được các tổ, đội thu gom rác hàng ngày và chưa bố trí được các điểm tập kết rác thuận tiện cho người dân.

Ước tính lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày của người dân và công nhân thuê trọ tại các xã xung quanh các KCN lên tới khoảng 30 tấn/ngày.đêm. Hiện nay UBND huyện Việt Yên mới bố trí thu gom, xử lý được khoảng 50% lượng rác thải của nhân dân và công nhân thuê trọ trên địa bàn quanh các KCN. Lượng rác thải này được hai xe chở rác chuyên dụng thu gom, xử lý chôn lấp tại bãi rác của huyện với quy mô khoảng 6,25ha.

4. Thực trạng về chợ, điểm mua sắm của công nhân

Một số xã, thị trấn gần KCN gồm thị trấn Nénh, xã Tăng Tiến và xã Vân Trung đã có chợ xã. Chất lượng và chủng loại hàng hoá ở các chợ này cơ bản đáp ứng được nhu cầu mua sắm hàng ngày của người dân và công nhân thuê trọ trên địa bàn xã.

Bên cạnh đó, một số xã chưa có chợ hoặc đã có chợ nhưng cơ sở vật chất không đảm bảo. Cụ thể như xã Hồng Thái có chợ truyền thống nhưng đã xuống cấp, còn lại 02 xã Hoàng Ninh và Quang Châu chưa có chợ. Do thiếu chợ và các điểm mua sắm phục vụ cho công nhân nên dẫn đến việc hình thành các chợ cóc tự phát cạnh tuyến

(2) Trạm xử lý nước sạch thị trấn Bích Động: Công suất $300\text{m}^3/\text{ng.đ}$, cung cấp cho khoảng 600 hộ dân và cơ quan tại địa bàn thị trấn Bích Động; Trạm nước Tăng Tiến: Công suất $280\text{m}^3/\text{ng.đ}$, cung cấp cho khoảng 1000 hộ dân.

đường giao thông gần KCN. Các chợ cóc này gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, môi trường sống, mỹ quan ở khu vực nhất là các đường gom KCN và trên vỉa hè QL37 đoạn qua KCN Đình Trám.

Về quy hoạch phát triển chợ, trung tâm thương mại: Hiện trên địa bàn các xã quanh KCN đã có quy hoạch xây dựng: 01 chợ cấp III với quy mô sử dụng khoảng 2.000m² đất và 01 trung tâm thương mại với quy mô sử dụng khoảng 6.200m² đất thuộc khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ (xã Hoàng Ninh); 01 trung tâm thương mại thuộc khu dân cư, dịch vụ văn hóa thể thao xã Quang Châu với quy mô sử dụng 7.500m² đất (xã Quang Châu); chợ mới, trung tâm thương mại thị trấn Nénh với quy mô sử dụng 2,1ha đất; Trung tâm thương mại khu dân cư, chợ mới Bích Động (cấp II) với quy mô 11,6ha. Tuy nhiên các chợ và trung tâm thương mại chưa được đầu tư xây dựng.

5. Thực trạng về nhà trẻ, trường mầm non

Cơ sở vật chất trường lớp học mầm non và các điểm trông giữ trẻ tại địa bàn các xã xung quanh các KCN chưa đáp ứng nhu cầu của công nhân và nhân dân trong vùng.

Số lượng các cháu trong độ tuổi ra nhà trẻ ước khoảng 1.000 (tính chung con em của nhân dân địa phương và công nhân). Số lượng trẻ có nhu cầu gửi khoảng 300 cháu, trong đó con của công nhân khoảng 100 cháu, còn lại được trông ở tại gia đình. Hiện tại trên địa bàn các thôn, xã quanh các KCN có 22 điểm trông giữ trẻ, với số trẻ là 220 cháu. Các điểm trông giữ trẻ này chủ yếu là tổ chức theo hình thức trông giữ trẻ tại gia đình, điều kiện vệ sinh môi trường, chăm sóc trẻ chưa được đảm bảo, người trông trẻ không có chuyên môn nghiệp vụ. Một số gia đình công nhân phải gửi con nhỏ về quê nhờ ông, bà trông giúp.

Số lượng các cháu trong độ tuổi đi học mầm non khoảng 3.000 cháu (tính chung con em của nhân dân địa phương và công nhân). Tại địa bàn các xã quanh KCN Đình Trám, Quang Châu hiện có 09 trường mầm non với 2.721 cháu đang theo học, trong đó số học sinh là con em của công nhân ở xa theo học là 204 cháu. Còn khoảng 280 cháu chưa có trường. Đa phần các trường mầm non đang đối mặt với việc quá tải, thiếu phòng học không thể tiếp nhận thêm học sinh. Cụ thể như các trường mầm non Quang Châu 2 thiếu 02 phòng học, Hoàng Ninh 1 thiếu 02 phòng học, Hoàng Ninh 2 thiếu 04 phòng học; các trường mầm non Như Nguyệt, Nénh, Vân Trung, Hồng Thái hiện không thể tiếp nhận thêm học sinh.

6. Đánh giá chung

6.1. Những ưu điểm:

Trong thời gian qua chính quyền địa phương và Ban quản lý các KCN đã tích cực trong việc quy hoạch một số vị trí xây dựng nhà ở cho công nhân. Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho công nhân, điển hình là Công ty TNHH Fuhong Precision Component đầu tư xây dựng nhà ở công nhân, đáp ứng nhu cầu cho khoảng 7.000 người. UBND tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty TNHH Quản lý bất động sản Sông Hồng xây dựng nhà ở cho khoảng 3.000 công nhân trên diện tích gần 2ha; cho Công ty TNHH Wintek Việt Nam xây dựng khu nhà ở cho khoảng 20.000 công nhân trên diện tích 6,82 ha; cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Anh

xây dựng nhà ở công nhân và khu dịch vụ thương mại tổng hợp cho khoảng 1.600 người trên diện tích 1 ha. UBND huyện Việt Yên tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành trong huyện ổn định đời sống của công nhân trong các khu nhà trọ.

Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Giang đã phối hợp với UBND huyện Việt Yên triển khai xây dựng trạm xử lý nước tại các thôn Hoàng Mai, My Điền, Phúc Lâm xã Hoàng Ninh với tổng công suất dự kiến khoảng 1.780m³/ngày.đêm; chuẩn bị triển khai xây dựng Nhà máy cung cấp nước tập trung Quang Châu công suất 3.000 m³/ngày.đêm.

UBND huyện Việt Yên đã triển khai thu gom một phần rác thải sinh hoạt xung quanh các KCN. UBND tỉnh đã hỗ trợ 1 tỷ đồng cho Hợp tác xã Môi trường, Vận tải, Xây dựng Đình Trám mua xe chở rác chuyên dụng, nâng cao hiệu suất thu gom rác thải.

Sở Công Thương đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 513/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, trong đó quan tâm quy hoạch chợ, trung tâm thương mại tại địa bàn xung quanh các KCN.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Việt Yên đã chỉ đạo các trường mầm non tại các xã xung quanh các KCN tạo điều kiện cho công nhân gửi con em theo học. Tranh thủ các nguồn lực nâng cấp, mở rộng các trường hiện có để đáp ứng một phần nhu cầu của công nhân trong các KCN và người dân địa phương.

6.2. Những tồn tại, hạn chế:

- Tình trạng thiếu nhà ở cho công nhân là phổ biến. Chất lượng của các phòng trọ không đạt yêu cầu theo quy định, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của công nhân.

- Người dân và công nhân ở địa bàn các xã xung quanh KCN luôn trong tình trạng thiếu nước sạch sinh hoạt, nhất là về mùa khô. Chất lượng nước hiện có chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn.

- Rác thải sinh hoạt vẫn chưa được thu gom triệt để, tình trạng vệ sinh môi trường xung quanh các KCN không đảm bảo, gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân địa phương và công nhân.

- Công nhân lao động thiếu các chợ và điểm mua sắm thuận tiện. Tình trạng các chợ cóc tự phát trên các tuyến đường và tại các cổng nhà máy vẫn diễn ra thường xuyên, gây mất vệ sinh và cản trở giao thông.

- Vẫn thiếu nơi gửi trẻ và trường mầm non cho con em công nhân và cả người dân địa phương.

6.3. Nguyên nhân của những hạn chế:

*** Nguyên nhân khách quan**

- Số lao động trong các KCN tăng nhanh, chủ yếu là người ngoài địa phương các xã xung quanh các KCN.

- Nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng xã hội hạn chế, trong khi đó nhu cầu đầu tư là

rất lớn.

- Bố trí diện tích đất để quy hoạch hạ tầng xã hội xung quanh các KCN và công tác bồi thường giải phóng mặt bằng rất khó khăn do người dân chưa đồng thuận.

- Vốn đầu tư xây dựng đồng bộ các khu nhà ở cho công nhân là rất lớn, trong khi đó lợi nhuận đầu tư không cao, vì vậy khó thu hút được các nhà đầu tư trong lĩnh vực này.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Quy hoạch các KCN tập trung vào một địa bàn hẹp làm cho mật độ công nhân lao động tại địa bàn các xã xung quanh các KCN tăng nhanh.

- Quy hoạch phát triển các KCN chưa đồng bộ với quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; chưa chú trọng gắn việc xây dựng quy hoạch chi tiết từng KCN với quy hoạch nhà ở, công trình công cộng phục vụ đời sống người lao động làm việc trong KCN, đặc biệt là đối với người lao động nhập cư.

- Chính quyền các cấp, các ngành chưa thật sự quan tâm giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội nảy sinh xung quanh các KCN.

- Việc giao đất dịch vụ cho người dân (bị thu hồi đất) chưa kịp thời, dẫn đến người dân chưa có điều kiện để xây dựng nhà trọ đạt tiêu chuẩn cho công nhân thuê ở.

- Các doanh nghiệp sử dụng lao động chưa thật sự chủ động đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân. Tiến độ các dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân triển khai chậm.

- Công tác quản lý nhà trọ, điểm trông giữ trẻ tại gia đình chưa được quan tâm đúng mức.

Phần thứ hai

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG XÃ HỘI GẮN VỚI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

I. QUAN ĐIỂM, DỰ BÁO, ĐỊNH HƯỚNG

1. Quan điểm

Trong thời gian tới, giải quyết vấn đề xã hội xung quanh các KCN là một trong những nhiệm vụ chính trị xã hội quan trọng của các cấp, các ngành nhằm tạo sự ổn định xã hội tại địa bàn quanh các KCN; góp phần tăng sức thu hút đầu tư và tạo sự phát triển ổn định, bền vững của các KCN trên địa bàn tỉnh.

Để giải quyết triệt để các vấn đề xã hội tại địa bàn quanh các KCN cần đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nói chung và cơ sở hạ tầng xã hội nói riêng tại địa bàn. Việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội phải đi liền với quy hoạch phát triển KCN, khu đô thị và dân cư tại vùng lân cận KCN; phải căn cứ vào nhu cầu thực tế, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm, tình hình của địa phương.

Giải quyết vấn đề xã hội KCN đòi hỏi phải có sự đầu tư nguồn lực lớn trong giai đoạn 2013-2018 và những năm tiếp theo. Do vậy cần huy động được sức mạnh tổng thể của nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, công nhân lao động, tập trung giải quyết ngay các vấn đề cấp bách. Các nguồn vốn huy động phải được lồng ghép trong

các chương trình, đề án, nhất là các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nước sạch và vệ sinh môi trường, giáo dục và đào tạo.

2. Dự báo nhu cầu phát triển hạ tầng xã hội gắn với các KCN đến 2018

Việc thực hiện Chương trình đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp - dịch vụ là một trong 5 Chương trình phát triển kinh tế trọng tâm giai đoạn 2011-2015, cùng với xu hướng hội nhập kinh tế thế giới chắc chắn các KCN sẽ thu hút thêm các dự án đầu tư.

Thời gian tới một số doanh nghiệp như Công ty TNHH Wintek Việt Nam, Công ty TNHH Hosiden Việt Nam, Công ty TNHH Umec Việt Nam, Công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam, Công ty TNHH Fuhong Precision Component... tiếp tục có nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất, tuyển thêm lao động. Do vậy dự báo tổng số lao động làm việc tại các KCN Quang Châu, Đình Trám đến hết năm 2018 sẽ vào khoảng 90.000 lao động, trong đó ở KCN Quang Châu khoảng trên 67.000 người (chiếm 74,4%).

Với tổng số lao động dự báo tăng lên như vậy, dự báo nhu cầu đối với một số lĩnh vực cụ thể đến năm 2018 như sau:

2.1. Về nhà ở công nhân:

Ngoài số lao động ở xa đi lại hàng ngày và số lao động là người của các xã xung quanh KCN, dự báo khoảng 45.000 người có nhu cầu thuê nhà ở tại địa bàn các KCN. Trong số này sẽ có khoảng 36.000 người có nhu cầu thuê nhà ở công nhân theo tiêu chuẩn (80%); 9.000 người có nhu cầu thuê trọ trong khu dân cư (20%). Theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 10/2009/TT-BXD ngày 15/6/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý dự án đầu tư xây dựng nhà ở sinh viên, nhà ở công nhân khu công nghiệp và nhà ở thu nhập thấp, diện tích ở tối thiểu đối với nhà ở công nhân là $5\text{m}^2/\text{người}$. Theo Quy định tạm thời về điều kiện tối thiểu của nhà ở cho người lao động thuê để ở tại Quyết định số 17/2006/QĐ-BXD ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì diện tích sử dụng bình quân cho mỗi người thuê để ở không nhỏ hơn $3\text{m}^2/\text{người}$ (không tính diện tích khu phụ). Như vậy dự báo nhu cầu nhà ở công nhân theo tiêu chuẩn là 180.000 m^2 ; nhu cầu nhà trọ trong khu dân cư là 27.000 m^2 .

2.2. Về nước sạch:

Dự báo đến năm 2018 dân số của các xã quanh các KCN sẽ là khoảng 60.700 người. Theo Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 33-2006 về Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế được ban hành tại Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD ngày 17/3/2006 của Bộ Xây dựng, nhu cầu trung bình cần $75\text{ lít}/\text{người}/\text{ngày.đêm}$. Như vậy nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân và công nhân tại địa bàn sẽ vào khoảng $8.084\text{m}^3/\text{ngày.đêm}^{(3)}$.

2.3. Về rác thải sinh hoạt:

Tính toán theo Tổ chức Y tế thế giới, lượng rác thải phát sinh trong ngày là khoảng $0,5\text{ kg}/\text{người}/\text{ngày.đêm}$. Dự báo đến năm 2018, lượng rác thải sinh hoạt

⁽³⁾ Nhu cầu nước sinh hoạt: $(60.696 \times 85\text{l}/\text{người}/\text{ngày.đêm} + 45.000 \times 65\text{l}/\text{người}/\text{ngày.đêm}) = 8.084\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

của người dân địa phương và công nhân thuê trọ là khoảng 53 tấn/ngày.đêm⁽⁴⁾.

2.4. Về chợ và điểm mua sắm:

Ước tính nhu cầu mua sắm hàng ngày của công nhân lao động và người dân là khoảng 50.000 lượt người.

2.5. Về số cháu ra nhà trẻ và học sinh mầm non:

Căn cứ vào tỉ lệ sinh và sự tăng dân số cơ học, dự báo đến năm 2018, số trẻ trong độ tuổi ra nhà trẻ trên địa bàn xung quanh các KCN khoảng 1.600 cháu, số có nhu cầu gửi trẻ là 900 cháu.

Căn cứ vào tỉ lệ sinh và tăng dân số cơ học, dự báo đến năm 2018, số học sinh vào học mầm non trên địa bàn xung quanh các KCN khoảng 4.900 cháu.

3. Định hướng đầu tư

Việc giải quyết vấn đề xã hội KCN nói chung, phát triển hệ thống hạ tầng xã hội thiết yếu nói riêng tại địa bàn các xã quanh KCN cần nhu cầu lớn về vốn. Trong giai đoạn hiện nay khi nền kinh tế còn đang ở tình trạng tăng trưởng chậm, việc huy động các nguồn lực tham gia đầu tư khó khăn, Đề án xác định giai đoạn 2013-2018 cần tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội cấp bách tại địa bàn hai KCN Quang Châu, Đình Trám theo thứ tự ưu tiên: từng bước cải thiện, tạo điều kiện cho người lao động có chỗ ở tốt hơn; khắc phục tình trạng thiếu nước sinh hoạt, rác thải không được thu gom, xử lý; phát triển hệ thống chợ, điểm mua sắm và các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng nhu cầu của nhân dân và công nhân thuê trọ.

Việc giải quyết vấn đề nhà ở công nhân cần định hướng đầu tư bằng nguồn vốn của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp đầu tư vào KCN có sử dụng nhiều công nhân lao động. Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia lĩnh vực này. Khai thác, phát huy các nhà trọ trong nhân dân để giải quyết vấn đề nhà ở công nhân. Đối với công trình trường học chủ yếu sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đối với các công trình hạ tầng khác như công trình nước sạch, xử lý rác thải, chợ, điểm mua sắm, trường học ngoài công lập thì chủ yếu huy động vốn đầu tư từ nguồn xã hội hoá và có xem xét hỗ trợ một phần kinh phí bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển các cơ sở hạ tầng xã hội thiết yếu bên ngoài các KCN nhằm góp phần giúp người lao động, người dân địa phương ổn định cuộc sống vật chất và tinh thần; làm cho người lao động yên tâm làm việc lâu dài ở các KCN; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2018

- Phần đầu giải quyết 80% nhu cầu thuê chỗ ở cho công nhân trong các KCN.

⁽⁴⁾ Lượng rác thải: (60.690 người dân + 45.000 công nhân trọ)x0,5kg rác/ngày.đêm = 53 tấn/ngày.đêm.

Chỗ ở phải đảm bảo chất lượng theo quy định của nhà nước về điều kiện tối thiểu của nhà cho công nhân thuê để ở.

- Đảm bảo trên 90% công nhân và nhân dân tại các xã xung quanh KCN có đủ nước hợp vệ sinh phục vụ sinh hoạt hàng ngày từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Phân đấu thu gom, tập kết xử lý 100% lượng rác thải sinh hoạt tại địa bàn các xã quanh các KCN.

- Đảm bảo 100% các xã xung quanh các KCN có chợ xã, điểm chợ thôn tại các địa điểm thuận lợi, gần với các khu nhà ở công nhân và khu dân cư.

- Đảm bảo 100% con em của người dân và công nhân tại các xã xung quanh các KCN trong độ tuổi được theo học ở các trường mầm non; 60% con em của người dân và công nhân trong độ tuổi ra nhà trẻ được trông giữ ở các cơ sở đảm bảo chất lượng theo quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về giải quyết nhu cầu nhà ở cho công nhân

1.1. Nhiệm vụ

Để đạt được mục tiêu giải quyết 80% chỗ ở cho công nhân đến năm 2018 cần xây dựng quỹ nhà ở để đáp ứng nhu cầu cho tối thiểu khoảng 36.000 lao động, cần 180.000m² nhà ở cho công nhân theo tiêu chuẩn. Mục tiêu đạt 80% là 144.000m². Hiện nay Công ty TNHH Fuhong Precision Component Bắc Giang đã có 960 phòng, tương ứng với 35.000m² đáp ứng chỗ ở cho khoảng 7.000 công nhân. Như vậy, đến hết năm 2018 cần phát triển thêm quỹ nhà ở là 109.000m².

Theo dự báo cần 27.000m² nhà trọ cho công nhân theo tiêu chuẩn. Mục tiêu đạt 80%, như vậy, đến năm 2018 cần phát triển thêm quỹ nhà trọ là 21.600m².

1.2. Giải pháp

a) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà ở công nhân của các doanh nghiệp

Đôn đốc và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đã được chấp thuận đầu tư xây dựng nhà ở công nhân thực hiện dự án theo đúng tiến độ đề ra. Cụ thể dự án đầu tư nhà ở công nhân của Công ty TNHH Wintek Việt Nam với quy mô đáp ứng chỗ ở cho khoảng 20.000 công nhân (khoảng 100.000m² diện tích nhà ở), dự kiến hoàn thành vào năm 2016; Dự án xây dựng nhà ở công nhân và khu dịch vụ thương mại tổng hợp của Công ty TNHH một thành viên thương mại và đầu tư Hà Anh với quy mô đáp ứng chỗ ở cho khoảng 1.600 công nhân (8.000m² diện tích nhà ở), dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2014.

b) Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để thu hút thêm nhà đầu tư xây dựng nhà ở công nhân

Hiện nay trên địa bàn huyện Việt Yên quỹ đất đã được quy hoạch để xây dựng nhà ở là khoảng 20,13ha⁽⁵⁾. Trong giai đoạn 2013-2018 cần tập trung giải phóng mặt bằng khoảng 7ha để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư nhà ở công nhân trong thời gian thực hiện Đề án và các năm tiếp theo, cụ thể: Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ khoảng

⁽⁵⁾ Gồm: Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ 1,65ha, Thị trấn Nénh 10,3ha, Thị trấn Bích Động 5,18ha và tại Quang Châu là 2ha.

1,6ha, Thị trấn Nền khoảng 4ha và tại xã Quang Châu là 2ha. Sau khi giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cần tích cực thu hút thêm nhà đầu tư xây dựng nhà ở công nhân với quy mô đáp ứng nhu cầu chỗ ở của khoảng 1.200 công nhân lao động (khoảng 6.000m² diện tích nhà ở công nhân).

c) Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư hiện có

Thực hiện cơ chế, chính sách theo Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg, ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp. Cụ thể các chủ đầu tư dự án nhà ở công nhân KCN được hưởng các cơ chế ưu đãi:

- Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong phạm vi dự án.

- Các doanh nghiệp tự xây dựng nhà ở cho công nhân (không thu tiền thuê hoặc có thu tiền thuê nhưng giá cho thuê không vượt quá mức giá cho thuê nhà ở xã hội theo quy định của UBND tỉnh) và các doanh nghiệp thuê nhà cho công nhân ở thì được tính chi phí nhà ở là chi phí hợp lý (tính vào giá thành sản xuất) khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Được hỗ trợ tín dụng đầu tư từ các nguồn: Vay vốn tín dụng ưu đãi hoặc bù lãi suất theo quy định; vay vốn từ các nguồn vốn vay ưu đãi; được UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ lãi vay ngân hàng thương mại để thực hiện dự án nhà ở công nhân (tùy theo khả năng ngân sách của tỉnh hàng năm).

- Được cung cấp miễn phí các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình về nhà ở cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật về thi công, xây lắp nhằm giảm giá thành xây dựng công trình; được áp dụng hình thức tự thực hiện nếu có đủ năng lực theo quy định của pháp luật hoặc chỉ định thầu đối với các hợp đồng tư vấn, thi công xây lắp và mua sắm thiết bị thuộc phạm vi dự án;

- Được Nhà nước hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước).

d) Phát triển số lượng, chất lượng các phòng trọ, nhà trọ trong nhân dân

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc giao đất dịch vụ cho nhân dân và bố trí vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu ngoài hàng rào phục vụ khu dân cư này; khuyến khích, định hướng nhân dân có đất dịch vụ xây dựng nhà ở cho công nhân thuê theo tiêu chuẩn của nhà nước quy định. Đảm bảo có quỹ nhà trọ đạt khoảng 22.000m².

- Chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về xây dựng nhà ở cho thuê theo quy định của nhà nước nhằm nâng cao chất lượng của phòng trọ, nhà ở cho thuê trong nhân dân. Đồng thời thực hiện việc quản lý giá cho thuê đối với phòng trọ, nhà ở cho công nhân thuê quanh các KCN.

- Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể về nhà, phòng trọ cho công nhân thuê để ở.

2. Giải quyết vấn đề nước sạch

2.1. Nhiệm vụ

Để đạt mục tiêu về cung cấp nước sinh hoạt đến năm 2018 đạt 90% theo nhu cầu, như vậy hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung cho địa bàn các xã xung quanh các KCN phải đảm bảo tổng công suất khoảng $7.300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Hiện đã có hai trạm cấp nước tập trung đang hoạt động với tổng công suất là $580\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, còn thiếu $6.720\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Theo dự tính, 7.000 lao động ở khu nhà công nhân của Công ty TNHH Fuhong Precision Component Bắc Giang sử dụng nguồn nước từ Nhà máy nước Bắc Giang và dự kiến nguồn nước phục vụ nhu cầu của khoảng 20.000 lao động ở khu nhà công nhân của Công ty TNHH Wintek Việt Nam sẽ lấy ở nhà máy nước KCN Quang Châu, tương đương với $1.755\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Như vậy, đến năm 2018 chỉ cần phát triển thêm hệ thống cấp nước sạch tập trung với tổng công suất khoảng $4.965\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Như vậy nhiệm vụ về cấp nước sinh hoạt như sau:

- Đầu tư mới công trình cấp nước sinh hoạt tập trung công suất $3.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ phục vụ người dân và công nhân khu vực xã Quang Châu và một phần dân cư Thị trấn Nénh và xã Vân Trung.

- Bàn giao đưa vào sử dụng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại xã Hoàng Ninh (3 trạm tại các thôn: Phúc Lâm, My Điền, Hoàng Mai) với công suất $1.780\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để cung cấp nước cho dân cư và công nhân tại Hoàng Ninh.

- Cải tạo, nâng cấp hai nhà máy nước sạch tại thị trấn Bích Động và tại xã Tăng Tiến, khoảng $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2. Giải pháp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xã hội hóa đầu tư cung cấp nước sạch; thực hiện mời gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, tiếp nhận, quản lý và vận hành các công trình nước sinh hoạt tập trung tại các xã, thị trấn quanh các KCN.

- Khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nước sạch theo hướng ưu tiên xây dựng trạm cấp nước liên xã và thực hiện đa dạng hóa các loại hình công nghệ cấp nước phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng xã quanh các KCN để bảo đảm sự phát triển bền vững, nâng cao chất lượng công trình và chất lượng nước.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ; Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh; Quyết định số 261/2012/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

+ Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào như điện, đường;

+ Ưu tiên sử dụng các nguồn tài chính ưu đãi cho dự án đầu tư cấp nước, không phân biệt đối tượng sử dụng; được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư các dự án cấp nước sử dụng nguồn vốn vay thương mại.

+ Được hỗ trợ 70% kinh phí theo tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã thuộc địa bàn nông thôn và 45% đối với vùng thị trấn.

+ Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng sạch cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

3. Giải quyết vấn đề rác thải và vệ sinh môi trường

3.1. Nhiệm vụ

Phấn đấu đến năm 2018, công suất thu gom, xử lý chôn lấp đạt khoảng 53 tấn rác thải sinh hoạt/ngày.đêm; không để xảy ra tình trạng vứt rác thải bừa bãi gây mất vệ sinh môi trường.

3.2. Giải pháp

a) Xây dựng các điểm thu gom, tập trung rác thải trên địa bàn huyện Việt Yên theo quy hoạch

Với quy mô công suất xử lý rác thải theo thiết kế hiện nay, bãi rác huyện Việt Yên cơ bản đáp ứng được yêu cầu xử lý rác thải của công nhân, nhân dân trên địa bàn quanh các KCN đến năm 2018. Do vậy, trước mắt UBND huyện Việt Yên cần ưu tiên bố trí nguồn vốn từ các nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng các địa điểm thu gom, tập kết rác trước khi vận chuyển tới bãi rác của huyện để xử lý, cụ thể là tại thôn Thượng Phúc xã Tăng Tiến (0,3ha), thôn Như Thiết xã Hồng Thái (0,05ha), thôn Đạo Ngạn 1 xã Quang Châu (1ha), thôn Ninh Khánh thị trấn Nénh (0,2ha).

b) Hỗ trợ thành lập, tăng cường năng lực hoạt động cho các tổ chức thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt

- Căn cứ vào lượng rác thải sinh hoạt thực tế hàng năm, ngân sách nhà nước xem xét hỗ trợ các đơn vị thực hiện thu gom xử lý rác thải trên địa bàn về phương tiện hoặc cho hưởng những chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, thành lập các tổ, đội thực hiện vệ sinh môi trường có thu phí tại các thôn, xã, thị trấn. Sử dụng ngân sách chi cho sự nghiệp môi trường hàng năm để hỗ trợ các thôn, xã mua xe đẩy rác chuyên dụng.

c) Tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức nhân dân và công nhân lao động.

Nâng cao nhận thức, ý thức của nhân dân và công nhân tại địa bàn KCN về giữ gìn vệ sinh môi trường, không vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường sống, mỹ quan khu vực.

4. Giải quyết các vấn đề về chợ, điểm mua sắm

4.1. Nhiệm vụ

Để đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân và công nhân KCN, giai đoạn 2013-2018 nhà nước cần đầu tư cải tạo, nâng cấp chợ truyền thống xã Hồng Thái; xây dựng 02 chợ xã Quang Châu, Hoàng Ninh (chợ cấp III). Đồng thời, thực hiện thu hút đầu tư xây dựng các chợ, trung tâm thương mại trong quy hoạch gồm: Trung tâm thương mại thuộc khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ; Trung tâm thương mại khu dân cư, chợ mới Bích Động (hiện đã lựa chọn được nhà đầu tư là Công ty cổ phần AAC Việt Nam); Chợ mới, trung tâm thương mại thị trấn Nếnh.

4.2. Giải pháp

a) Đối với xây dựng các chợ xã

- Ưu tiên bố trí vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn ngân sách tỉnh cùng huy động sự đóng góp của nhân dân để xây dựng hệ thống chợ xã đạt tiêu chí nông thôn mới tại Hồng Thái, Quang Châu và Hoàng Ninh.

- Thực hiện việc huy động vốn của thương nhân, trước hết là những người buôn bán tại chợ theo phương thức ứng trước tiền thuê diện tích kinh doanh để xây dựng chợ mới, sau đó trừ dần vào quá trình kinh doanh (có phương án riêng đối với từng chợ).

- Xây dựng tạo nguồn quỹ bằng nguồn thu từ chợ để đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng các chợ trên địa bàn theo qui hoạch, kế hoạch được duyệt. Nguồn thu từ chợ (ngoài thuế) như cho thuê quây sạp, thu hút từ hoạt động dịch vụ...

b) Đối với các chợ, trung tâm thương mại khác

- Lập và thông báo danh mục các chợ được nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách kèm theo mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ; các chợ được xây dựng bằng nguồn vốn khác và hình thức, mức độ huy động vốn để mọi công dân, doanh nghiệp, các nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận nghiên cứu và khai thác. Trung tâm Xúc tiến thương mại của tỉnh phối hợp với các Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, quảng bá và kêu gọi đầu tư chợ theo danh mục được phê duyệt.

- Thực hiện hỗ trợ về đầu tư: Nhà đầu tư, khi đầu tư xây dựng mới chợ, trung tâm thương mại được UBND tỉnh đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu đến chân hàng rào công trình chợ, trung tâm thương mại; thời hạn thực hiện dự án đầu tư được cho phép tối đa theo quy định về Luật Đầu tư.

- Thực hiện các chính sách về tài chính, tín dụng:

+ Nhà đầu tư được dùng quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để thế chấp vay vốn ngân hàng theo qui định hiện hành để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ, trung tâm thương mại.

+ Nếu đủ điều kiện, khi tham gia đầu tư xây dựng chợ, trung tâm thương mại, nhà đầu tư chợ sẽ được hưởng các ưu đãi, khuyến khích về thuế như đối với các dự án sản xuất theo qui định của các văn bản pháp luật về thuế;

+ Các doanh nghiệp kinh doanh và quản lý chợ được phép quy định giá cho thuê diện tích kinh doanh, các loại phí dịch vụ dựa trên khung giá quy định của cấp có thẩm quyền.

- Một số chính sách khác:

+ Các nhà đầu tư chợ được cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin về các loại quy hoạch có liên quan trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng chợ;

+ Nhà đầu tư được huy động vốn của doanh nghiệp, cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh để xây dựng nhà chợ, các sạp hàng, quầy hàng, hàng rào, sân, công trình vệ sinh, bãi để xe, công trình hạ tầng trong hàng rào và các hạng mục khác.

+ Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về quản lý, quản trị kinh doanh, văn hoá kinh doanh và các quy định của pháp luật về hoạt động thương mại cho tổ chức quản lý kinh doanh chợ, trung tâm thương mại và cá nhân, hộ kinh doanh trong chợ, trung tâm thương mại; thời gian tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tối đa không quá 3 tháng.

c) Xóa các chợ cóc lẩn chiếm vỉa hè lòng đường quanh KCN

- Chính quyền địa phương cần kiên quyết dẹp bỏ tệ lẩn chiếm vỉa hè lòng lề đường khu vực xung quanh các KCN. Đồng thời thực hiện tuyên truyền vận động người kinh doanh, người dân và công nhân vào mua, bán hàng tại các chợ theo quy hoạch và các điểm bán hàng do các xã, thôn tổ chức, bố trí.

5. Giải quyết vấn đề về giáo dục

5.1. Nhiệm vụ:

a) Về điểm trông giữ trẻ:

Dự báo đến năm 2018, số trẻ có nhu cầu trông giữ là 900 cháu, số điểm trông trẻ hiện tại là 22 điểm đáp ứng cho khoảng 220 cháu. Như vậy, cần phát triển thêm 65-70 điểm trông giữ trẻ đảm bảo chất lượng.

b) Về cơ sở trường mầm non:

Dự báo đến năm 2018, số học sinh trong độ tuổi mầm non là 4.900 cháu, các cơ sở trường mầm non hiện có đáp ứng cho 2.500 cháu. Như vậy cần phải xây dựng thêm khoảng 80 phòng học để đáp ứng cho 2.400 cháu. Cụ thể:

- Thu hút đầu tư xây dựng các trường mầm non ngoài công lập: 01 trường tại xã Quang Châu, 01 trường tại thị trấn Nénh với quy mô 15 phòng học/trường.

- Mở rộng, xây thêm 50 phòng học tại 06 trường công lập:

+ Mầm non Quang Châu 1: 08 phòng tại các điểm lẻ Đạo Ngạn 1 (4 phòng) và Nam Ngạn (4 phòng).

+ Mầm non Quang Châu 2: 06 phòng khu trung tâm tại thôn Quang Biều.

+ Mầm non Vân Trung: 06 phòng khu trung tâm tại thôn Vân Cốc.

+ Mầm non Hoàng Ninh 1: 08 phòng tại khu trung tâm thôn Hoàng Mai.

+ Mầm non Hoàng Ninh 2: 10 phòng khu trung tâm tại thôn My Điền.

+ Mầm non Hồng Thái: 12 phòng tại các điểm lẻ Đức Liễn (8 phòng), Nghi Thiết (4 phòng).

5.2. Giải pháp

- UBND huyện Việt Yên thực hiện rà soát quy hoạch, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất để nâng cấp, mở rộng thêm trường lớp, học trên địa bàn các KCN.

- Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước để nâng cấp, mở rộng, xây mới thêm phòng học, mua thiết bị, đồ dùng học tập cho các trường mầm non công lập trên địa bàn xã xung quanh các KCN đảm bảo đáp ứng thuận tiện nhu cầu học tập của con công nhân và con em nhân dân địa phương.

- Thực hiện chủ trương xã hội hoá đầu tư theo Nghị định 69/2009/NĐ - CP của Chính phủ; Quyết định số 337/2012/QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của UBND tỉnh đề huy động vốn đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học; huy động tài trợ từ doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cá nhân để tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm đồ dùng học tập cho học sinh.

- Tiến hành rà soát, đánh giá lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để sắp xếp, bố trí lại đảm bảo yêu cầu đủ về số lượng, đồng bộ và đảm bảo về cơ cấu, chuẩn về trình độ, chấm dứt tình trạng dạy chéo môn.

- Khuyến khích người dân mở các điểm trông giữ trẻ, đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định. Phát huy vai trò của các tổ chức hội như Hội khuyến học, Hội Cựu giáo chức, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn TNCSHCM... để tổ chức, hình thành, phát triển các nhóm trẻ ở các khu dân cư quanh các KCN, đồng thời thực hiện sự hỗ trợ của nhà nước về đồ dùng học tập, đồ chơi và tập huấn nghiệp vụ cho người trông giữ trẻ tại các điểm trông giữ trẻ này. Ngoài ra cần thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát của nhà nước đối với các điểm dịch vụ trông giữ trẻ tại gia đình.

IV. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT

1. Nhu cầu vốn đầu tư (Biểu số 02)

1.1. Về giải quyết vấn đề nhà ở công nhân (không bao gồm vốn người dân tự bỏ ra xây nhà trọ cho thuê).

Tổng nhu cầu vốn đầu tư 1.781,5 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh là 42,5 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng 7ha tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư nhà ở công nhân; hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu đến khu dân cư đất dịch vụ.

- Vốn thu hút đầu tư từ DN 1.739 tỷ đồng để xây dựng nhà ở công nhân.

1.2. Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng công trình nước sạch

Tổng nhu cầu vốn 65,5 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 40,5 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách tỉnh để đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy nước (điện, đường...) là 6 tỷ đồng;

- Vốn huy động doanh nghiệp và nhân dân để đối ứng xây dựng, cải tạo các công trình cấp nước tập trung là 19 tỷ đồng.

1.3. Nhu cầu vốn giải quyết vấn đề rác thải

Tổng nhu cầu vốn là 9,5 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn NS tỉnh, huyện là 6,5 tỷ đồng để giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các địa điểm thu gom, tập kết rác sinh hoạt tại các thôn, xã và hỗ trợ mua xe chở rác, xe đẩy rác chuyên dụng.

- Vốn doanh nghiệp là 3 tỷ đồng để đầu tư mua xe chở rác, xe đẩy rác chuyên dụng.

1.4. Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng chợ, trung tâm thương mại

Tổng nhu cầu vốn đầu tư là 139,9 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn NSNN là 22,9 tỷ đồng để cải tạo, xây mới các chợ xã và hỗ trợ xây hạ tầng ngoài hàng rào chợ, trung tâm thương mại (điện, đường...);

- Vốn huy động từ doanh nghiệp và nhân dân là 117 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, các chợ ở các khu dân cư, khu đô thị mới.

1.5. Nhu cầu vốn đầu tư xây trường, lớp học

Tổng nhu cầu vốn 110,6 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 53,6 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 5,4 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 33,9 tỷ đồng, ngân sách huyện 14,3 tỷ đồng) để mở rộng, xây thêm phòng học của 06 trường mầm non công lập; hỗ trợ đồ dùng học tập, đồ chơi và tập huấn nghiệp vụ cho người trông giữ trẻ tại các điểm trông giữ trẻ.

- Vốn thu hút đầu tư từ doanh nghiệp và nhân dân là 57 tỷ đồng để xây dựng mới 02 trường mầm non ngoài công lập và hỗ trợ đồ dùng học tập, đồ chơi cho các điểm trông giữ trẻ.

1.6. Tổng nhu cầu vốn đầu tư:

Như vậy để thực hiện các mục tiêu cơ bản của Đề án, giai đoạn 2013-2018 cần huy động tổng vốn đầu tư là: 2.107 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước là: 172 tỷ đồng, chiếm 8,2% (vốn NSTW 47 tỷ đồng, vốn NS tỉnh 105,4 tỷ đồng, NS huyện 19,6 tỷ đồng).

- Vốn huy động từ doanh nghiệp và nhân dân là: 1.935 tỷ đồng, chiếm 91,8%.

2. Nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án

Tổng nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án là 26,39ha.

Trong đó:

- Diện tích đất đã được giải phóng mặt bằng là 8,3ha;

- Diện tích đất đã có trong quy hoạch sử dụng phù hợp với các nhiệm vụ của Đề án là 15,55ha;

- Diện tích đất chưa nằm trong quy hoạch là 2,54ha.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp

Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp đơn đốc các doanh nghiệp được giao đầu tư khu nhà ở công nhân, trường mầm non (trong khu đô thị Quang Châu) đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm đưa vào sử dụng. Chỉ đạo các chủ đầu tư dự án kinh doanh hạ tầng KCN tổ chức xác định nhu cầu và lập phương án xây dựng nhà ở cho công nhân tại địa bàn các KCN. Chủ động thu hút các nhà đầu tư tham gia xây dựng nhà ở cho công nhân KCN theo quy hoạch.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các nhà đầu tư xây dựng dự án nhà ở công nhân KCN về trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư, trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và đề xuất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp được hưởng các cơ chế ưu đãi đầu tư theo Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân các KCN.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh nhiệm vụ giải quyết các vấn đề xã hội tại các địa phương quanh KCN vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Lồng ghép kinh phí của các chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng nông thôn mới... ưu tiên hỗ trợ đầu tư vào địa bàn có các KCN.

Hướng dẫn về các chính sách ưu đãi (về đất đai, huy động vốn, tín dụng...) để khuyến khích, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở, công trình nước sạch, vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, chợ, các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã xung quanh các KCN.

Tổ chức xúc tiến, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn KCN. Rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đăng ký đầu tư và cấp giấy chứng nhận đầu tư. Tham mưu giúp UBND tỉnh bổ sung các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước xây dựng nhà ở công nhân, chợ vào danh mục các dự án được vay vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ.

Huy động thêm nguồn lực từ xã hội, thu hút nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển cơ sở vật chất; phát huy tiềm năng, trí tuệ và vật chất trong nhân dân, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ cho các khu công nghiệp.

Đơn đốc các doanh nghiệp đầu tư khu nhà ở công nhân, chợ, công trình cấp nước tập trung, trường mầm non đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án để sớm đưa vào sử dụng.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các ngành tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư (về đất đai, về thuế, tín dụng...) để khuyến khích thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở công nhân, chợ trên địa bàn các xã quanh các KCN.

Đề xuất việc bố trí, cân đối ưu tiên nguồn thu từ sử dụng đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất đầu tư xây dựng nhà ở công nhân.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh bố trí ngân sách địa phương thực hiện nhiệm vụ giải quyết vấn đề xã hội quanh KCN trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

4. Sở Xây dựng

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch chi tiết khu tái định cư để bố trí thêm hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ nhu cầu của nhân dân và công nhân KCN.

Tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở công nhân khu công nghiệp của tỉnh; trình UBND tỉnh ban hành Quy định về điều kiện tối thiểu nhà ở cho người lao động thuê trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn áp dụng thiết kế điển hình, thiết kế mẫu nhà ở công nhân và các quy chuẩn xây dựng hiện hành khác theo Thông tư số 14/2009/TT-BXD, ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng.

Xây dựng Quy chế quản lý việc sử dụng, vận hành khai thác quỹ nhà ở công nhân khu công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng để áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở công nhân KCN trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể các cơ chế, chính sách ưu đãi và trình tự, thủ tục thực hiện theo Nghị quyết số 18/NQ-CP, ngày 20/04/2009 của Chính phủ về cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho sinh viên và nhà ở cho công nhân KCN, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị; Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và các văn bản liên quan khác.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Rà soát, bổ sung quy hoạch quỹ đất, kế hoạch sử dụng đất dành cho các KCN thực hiện việc xây dựng nhà ở công nhân, công trình nước sạch, điểm thu gom tập kết rác, trường học, chợ vào quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đến 2020.

Hướng dẫn các địa phương có KCN thực hiện quy hoạch các điểm thu gom rác tại các thôn, xã; thu hút đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt tại địa bàn các KCN.

Xây dựng kế hoạch lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ việc xây dựng nhà ở công nhân, công trình nước sạch, điểm thu gom tập kết rác, chợ, trường học hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

Phối hợp với UBND huyện Việt Yên chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện tổ chức bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ xây dựng nhà ở công nhân, công trình nước sạch, điểm thu gom tập kết rác thải, trường học, chợ tại địa bàn các KCN.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn các cơ chế, chính sách ưu đãi liên quan đến đất đai, hỗ trợ xử lý chất thải rắn, rác thải sinh hoạt và trình tự, thủ

tục thực hiện để thu hút đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn KCN.

Phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiểm tra các cơ sở thực hiện xã hội hoá tại địa bàn các KCN về việc quản lý sử dụng đất đai đúng mục tiêu, phù hợp với quy hoạch; thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chủ trì hoặc phối hợp với các huyện, thành phố có KCN tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường theo định kỳ và xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch xử lý khu vực môi trường bị ô nhiễm.

6. Sở Công Thương

Rà soát, bổ sung việc xây dựng chợ, trung tâm thương mại vào quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị tỉnh Bắc Giang để phục vụ nhu cầu mua sắm của công nhân tại các KCN; phối hợp với UBND các huyện, thành phố lập kế hoạch thực hiện xóa bỏ các tụ điểm buôn bán tự phát, chợ cóc trên địa bàn các KCN.

Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan vận động, thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh để xây dựng chợ, trung tâm thương mại theo quy hoạch.

Trên cơ sở quy định ưu đãi của Nhà nước, chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế đặc thù nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư hoặc góp vốn cùng Nhà nước đầu tư xây dựng các loại chợ trên địa bàn huyện Việt Yên.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn các chính sách ưu đãi và trình tự, thủ tục thực hiện để khuyến khích phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập ở địa bàn các xã xung quanh các KCN.

Đề xuất phương án lồng ghép các nguồn vốn, chương trình dự án và huy động nguồn lực hợp lý của nhân dân, doanh nghiệp để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi. Tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, ngành Trung ương bố trí vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo vào thực hiện nhiệm vụ của Đề án. Bổ sung danh mục các trường cần mở rộng vào kế hoạch phát triển cơ sở vật chất trường, lớp học của ngành.

Chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hút, tạo điều kiện để các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đầu tư phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập theo Nghị định số 69/2008/NQ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

Hướng dẫn thực hiện các điểm trông giữ trẻ tại gia đình và do các tổ chức hội phát động, thực hiện; hỗ trợ đồ chơi, đồ dùng học tập, đồng thời tăng cường công tác quản lý, giám sát của nhà nước đối với các điểm dịch vụ trông giữ trẻ trên địa bàn.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cơ chế, chính sách thực hiện xã hội hóa đầu

tư phát triển các công trình cấp nước sạch tập trung và dịch vụ vệ sinh môi trường nông thôn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, ngành Trung ương bố trí vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để thực hiện nhiệm vụ của Đề án, nhất là nhiệm vụ đầu tư xây dựng các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn các xã quanh KCN.

Đôn đốc, chỉ đạo thực hiện việc bàn giao đưa vào sử dụng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại xã Hoàng Ninh.

9. Sở Thông tin và Truyền Thông chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, thông tấn, báo chí phản ánh, tuyên truyền về các nội dung, đối tượng của Đề án để nhân dân, doanh nghiệp và người lao động hiểu và đồng thuận thực hiện.

10. Ngân hàng Nhà nước tỉnh chỉ đạo chi nhánh các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng đẩy mạnh công tác huy động vốn, tranh thủ nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại Trung ương, vốn từ các tổ chức tài chính tiền tệ trong và ngoài nước cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp vay để đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và nhà cho công nhân thuê theo cơ chế ưu đãi về lãi suất vay theo quy định; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp vay vốn đầu tư nhà ở cho công nhân và nhà cho công nhân thuê.

11. Đề nghị MTTQ và các đoàn thể nhân dân tích cực tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện đề án; tích cực tham gia giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện.

12. UBND huyện Việt Yên

Rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch chi tiết xây dựng, bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng nhà ở công nhân, công trình nước sạch, khu xử lý rác thải, trường mầm non, chợ trên địa bàn các xã lân cận KCN gắn với điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Tập trung giải quyết cơ bản việc giao đất ở và kinh doanh dịch vụ cho người sử dụng đất có đất thu hồi làm KCN trong năm 2013. Khuyến khích người dân được giao đất dịch vụ xây nhà ở cho công nhân thuê đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước. Bảo đảm quy hoạch diện tích đất và áp dụng các phương thức giao đất, cho thuê đất, thuê cơ sở vật chất để phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non và các công trình hạ tầng xã hội khác tại địa bàn các KCN.

Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan rà soát các cơ sở vật chất trường mầm non, mẫu giáo thuộc địa bàn quản lý; xây dựng phương án cụ thể để nâng cấp, mở rộng các cơ sở đã có hoặc xây mới để phục vụ KCN.

Phát triển hệ thống các chợ theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt; giải tán các điểm bán hàng nhỏ lẻ, chợ cóc gây ùn tắc giao thông; giải phóng mặt bằng, xây dựng các điểm thu gom rác tại các thôn, xã quanh các KCN; chỉ đạo các xã tổ chức, thành lập tổ, đội thực hiện vệ sinh môi trường có thu phí; tuyên truyền người dân tham gia

hưởng ứng thực hiện làng văn hóa, xanh - sạch - đẹp.

Tổ chức thực hiện các thủ tục thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng để giao cho chủ đầu tư xây dựng nhà ở công nhân, nhà máy nước, chợ trên địa bàn quản lý; tổ chức thực hiện việc cưỡng chế khi cần thiết. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội phục vụ KCN theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tuyên truyền vận động nhân dân tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng, triển khai các dự án phục vụ người lao động trong các KCN; vận động, tuyên truyền các hộ kinh doanh phòng trọ chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng của nhà trọ, phòng trọ cho công nhân thuê để ở; tạo điều kiện giúp công nhân thuê trọ ổn định về nơi ở, sinh hoạt.

13. Phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đối với người lao động

a) Các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng kỹ thuật KCN

Các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp cần phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc đầu tư xây dựng hạ tầng khu nhà ở công nhân và nhà ở công nhân. Tạo thuận lợi để các doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp, các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư xây dựng các công trình nhà ở cho công nhân thuê.

Tổ chức lập quy hoạch khu nhà ở công nhân và làm chủ đầu tư dự án nhà ở công nhân khu công nghiệp tại các KCN đã hình thành.

b) Các doanh nghiệp sử dụng lao động tại các KCN

Tuân thủ nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với công nhân KCN. Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng nhu cầu nhân lực, kế hoạch đào tạo, tuyển dụng lao động theo ngành nghề, ưu tiên giải quyết việc làm cho người lao động địa phương.

Phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người lao động thông qua những việc làm cụ thể như: tham gia xây dựng nhà ở công nhân, trường mẫu giáo cho con em công nhân, khu thương mại; tổ chức xe đưa đón công nhân từ KCN về nơi ở; trợ cấp đột xuất cho những trường hợp ốm đau; chú trọng cải thiện điều kiện làm việc của người lao động (lắp hệ thống quạt thông gió, giàn nước làm mát trong nhà xưởng)...

Đối với các doanh nghiệp đầu tư nhà ở và các cơ sở thực hiện xã hội hóa quanh các KCN phải đăng ký nội dung hoạt động chuyên môn với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương. Đăng ký hoạt động với cơ quan thuế để làm căn cứ ưu đãi hoặc tính thuế thu nhập doanh nghiệp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Linh

Biểu số 1: Dự báo một số nhu cầu xã hội của nhân dân và công nhân thuê trọ tại các xã quanh KCN Quang Châu và Đình Trám đến năm 2018

Danh mục	Tổng số (người)	Nhà ở cho công nhân (m²)	Nhà trọ cho công nhân (m²)	Nhu cầu nước sinh hoạt (m³/ngày y đêm)	Lượng rác thải sinh hoạt (tấn/ngày đêm)	Số cháu trong độ tuổi ra nhà trẻ có nhu cầu gửi	Số cháu vào học mầm non
Dân số 7 xã, thị trấn	60.696	0	0	5.159	30	300	3.000
Số lao động tại KCN Quang Châu, Đình Trám	90.000	180.000	27.000	2.925	23	600	1.900
Tổng số:	150.696	180.000	27.000	8.084	53	900	4.900

Biểu số 2: Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu của Đề án trong giai đoạn 2013-2018

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Danh mục	Tổng số	Trong đó:			
			Vốn NSNN			Vốn DN và nhân dân
			Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	TỔNG SỐ:	2.107,0	47,0	105,4	19,6	1.935,0
I	Nhà ở công nhân	1.781,5	0	42,5	0	1.739,0
1	Dự án nhà ở công nhân của Công ty TNHH Wintek Việt Nam (20 nghìn CN)	1.660,5				1.660,5
2	Dự án nhà ở công nhân và khu dịch vụ TMTH của C.ty TNHH MTV thương mại và đầu tư Hà Anh (1.600 CN)	36,5				36,5
3	Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà ở công nhân (đáp ứng nhu cầu 1.200 CN)	42,0				42,0
4	Giải phóng mặt bằng 7ha để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư xây dựng nhà ở công nhân	12,5	0	12,5		
5	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu các khu đất dịch vụ tại các xã quanh KCN	30,0	0	30,0		
II	Xây dựng công trình cấp nước tập trung	65,5	40,5	6,0	0	19,0
1	Xây dựng công trình cấp nước công suất 3.000m ³ /ngày.đêm tại xã Quang Châu	50,0	35			15
2	Nâng cấp Nhà máy nước TT Bích Động	5,0	2,3			2,7
3	Nâng cấp Nhà máy nước xã Tăng Tiến	4,5	3,2			1,3
4	Hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào nhà máy nước (điện, đường...)	6		6		
III	Giải quyết vấn đề rác thải, VSMT	9,5	0	3,5	3,0	3,0
1	Xây dựng các địa điểm thu gom, tập kết rác tại các thôn, xã (tổng diện tích 1,55ha)	5,0	0	2	3	
2	Hỗ trợ đầu tư xe chở rác, xe đẩy rác	4,5		1,5		3
IV	Giải quyết các vấn đề về chợ, TTTM	139,9	1,1	19,5	2,3	117,0
1	Nâng cấp chợ xã Hồng Thái (chợ cấp III)	0,9	0,1	0,5	0,3	
2	Xây dựng chợ xã Quang Châu (chợ cấp III)	4,5	0,5	2,0	1,0	1,0
3	Xây dựng chợ xã Hoàng Ninh (chợ cấp III)	4,5	0,5	2,0	1,0	1,0
4	Xây dựng Trung tâm thương mại thuộc khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ	20,0				20
5	Xây dựng TTTM, chợ mới Bích Động (nhà đầu tư là Công ty cổ phần AAC Việt Nam)	65,0				65

6	Xây dựng Chợ mới và TTMT thị trấn Nénh	30,0				30
7	Hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào chợ, trung tâm thương mại (điện, đường)	15,0		15		
V	Nhu cầu vốn đầu tư xây trường, lớp học	110,6	5,4	33,9	14,3	57
1	Xây dựng trường MN ngoài công lập tại xã Quang Châu	25	0			25
2	XD Mầm non ngoài công lập tại T.T Nénh	30	0			30
3	Xây 8 phòng học Trường MN Quang Châu 1	8,6	0,8	5,5	2,3	0
4	Xây 6 phòng học Trường MN Quang Châu 2	6,5	0,6	4,4	1,5	
5	Xây thêm 6 phòng học MN Vân Trung	6	0,5	4	1,5	
6	Xây thêm 8 phòng học MN Hoàng Ninh 1	7,8	0,8	5	2	
7	Xây 10 phòng học MN Hoàng Ninh 2	9,8	0,8	6	3	
8	Xây 12 phòng học Trường MN Hồng Thái	11,9	0,9	7	4	
9	Hỗ trợ đồ dùng học tập, đồ chơi và tập huấn nghiệp vụ cho các điểm trông giữ trẻ	5	1	2		2

1	Xây dựng các địa điểm thu gom, tập kết rác sinh hoạt tại các thôn, xã (tổng diện tích khoảng 1,55ha)	1,0				1,0	2,0		1,0	1,0	1,0	1,0	2,0		1,0	1,0	5,0																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															</
---	--	-----	--	--	--	-----	-----	--	-----	-----	-----	-----	-----	--	-----	-----	-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

**Biểu số 4: Dự kiến nhu cầu sử dụng đất để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của
Đề án giai đoạn 2013-2018**

TT	Danh mục	Diện tích đất (ha)	Ghi chú
	Tổng diện tích:	26,39	
I	Nhà ở công nhân	14,82	
1	Dự án nhà ở công nhân C.ty TNHH Wintek Việt Nam	6,82	Đã có mặt bằng để xây dựng
2	Dự án nhà ở công nhân và khu dịch vụ TMTH của C.ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Anh	1,00	Đã có mặt bằng để xây dựng
3	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư xây dựng nhà ở công nhân	7,00	Đã có trong quy hoạch sử dụng đất
II	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung	2,3	
1	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt công suất 3.000m ³ /ngày đêm tại xã Quang Châu	2,0	Chưa có trong quy hoạch sử dụng đất
2	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước sạch TT Bích Động	0,2	Chưa trong QH sử dụng đất
3	Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước sạch xã Tăng Tiến	0,1	Chưa trong QH sử dụng đất
III	Giải quyết vấn đề vệ sinh môi trường	1,55	
1	Xây dựng các địa điểm thu gom, tập kết rác sinh hoạt tại các thôn, xã	1,55	Đã có trong quy hoạch sử dụng đất
IV	Giải quyết vấn đề về chợ, trung tâm thương mại	6,0	
1	Cải tạo, nâng cấp các chợ xã Hồng Thái (chợ cấp III)	0,33	Đã có trong QH sử dụng đất
2	Xây dựng chợ xã Quang Châu (chợ cấp III)	0,35	Đã có trong QH sử dụng đất
3	Xây dựng chợ xã Hoàng Ninh (chợ cấp III).	0,35	Đã có trong QH sử dụng đất
4	Xây dựng Trung tâm thương mại thuộc khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ	0,62	Đã có trong quy hoạch sử dụng đất
5	Xây dựng TT thương mại khu dân cư, chợ mới Bích Động (nhà đầu tư là C.ty cổ phần AAC Việt Nam)	2,25	Đã có trong quy hoạch sử dụng đất
6	Xây dựng chợ mới, trung tâm thương mại TT Nénh	2,1	Đã có trong QH sử dụng đất
V	Nhu cầu vốn đầu tư xây trường, lớp học	1,72	
1	XD trường MN ngoài công lập tại xã Quang Châu	0,48	Đã giải phóng mặt bằng
2	XD trường MN ngoài công lập tại thị trấn Nénh	0,35	Đã có trong QH sử dụng đất
3	Xây thêm 08 phòng học Trường MN Quang Châu 1	0,30	Đã có trong QH sử dụng đất
4	Xây thêm 06 phòng học Trường MN Quang Châu 2	0,24	Chưa có QH sử dụng đất
5	Xây thêm 10 phòng học Trường MN Hoàng Ninh 2	0,10	Đã có trong QH sử dụng đất
6	Xây thêm 12 phòng học Trường mầm non Hồng Thái	0,25	Đã có trong QH sử dụng đất